

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN THEO GIÁ SO SÁNH 2010
Ước 6 tháng đầu năm 2017

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (Tỷ đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Tỷ đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A	1	2	3
Tổng số	9,024.67	8,591.38	95.20
Nông nghiệp	8,897.71	8,466.51	95.15
Trồng trọt	7,444.25	6,893.19	92.60
Chăn nuôi	1,423.43	1,540.04	108.19
Dịch vụ và các hoạt động khác	30.02	33.29	110.88
Lâm nghiệp	43.46	44.88	103.27
Thủy sản	83.50	79.99	95.79
Nuôi trồng	76.92	72.03	93.64
Khai thác	5.95	7.03	118.17
Sản xuất giống thủy sản	0.64	0.93	146.08